

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/LĐ-ST
Ngày: 30-8-2024
V/v tranh chấp vô hiệu
hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Thành
- Ông Trần Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-LĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: Số F, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Công ty TNHH P (vắng mặt)

Địa chỉ: Số G, ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Chen Rongsheng – Tổng Giám đốc.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Phước Vân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

2. Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Hồng D1 - Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Huỳnh Thị Ngọc D đi làm để tạo thu nhập lo cho gia đình nên bà cho bà D mượn giấy chứng minh nhân dân (viết tắt CMND) để bà D đi làm tại Công ty TNHH P; địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An từ tháng 4/2019 đến tháng 3/2020 (vì tại thời điểm 2019 bà D chưa đủ tuổi giao kết hợp đồng lao động). Khi làm việc tại Công ty TNHH P, bà D tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm 8023637698 mang tên Nguyễn Thị T.

Trong thời gian cho mượn CMND thì từ tháng 12/2018 đến tháng 4/2023 bà cũng làm công nhân tại Công ty TNHH MTV M, Công ty TNHH J, Công ty TNHH D2 và Công ty TNHH P và có tham gia bảo hiểm với số bảo hiểm 8023637698.

Việc bà cho bà D mượn CMND là không đúng quy định pháp luật vì người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH P từ tháng 4/2019 đến tháng 3/2020 không phải do bà thực hiện. Hiện nay bà và D cùng tồn tại số sổ bảo hiểm là 8023637698, cùng mang tên Nguyễn Thị T nên bà không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Hiện tại bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị Ngọc D (tên trên hợp đồng lao động là Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH P từ tháng 4/2019 đến tháng 3/2020 để bà T được hưởng các chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH MTV M, Công ty TNHH J, Công ty TNHH D2 và Công ty TNHH P. Đồng thời cũng để bà D được hưởng các chế độ BHXH theo quy định.

Tại văn bản trình bày ý kiến, bị đơn Công ty TNHH P trình bày:

Vào 01/4/2019 bà Nguyễn Thị T nộp hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH P đến 31/3/2020 chính thức thôi việc. Đến ngày 01/4/2021 bà Nguyễn Thị T nộp lại hồ sơ xin việc và thôi việc vào ngày 15/5/2023. Sau khi kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ xin việc vào ngày 01/4/2019 và ngày 01/4/2021 thì phát hiện trên giấy Chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị T số 301731266 và toàn bộ hồ sơ xin việc hình ảnh không giống nhau nhưng sao y đều có xác nhận của UBND xã L. Ngày 15/5/2023 bà T xin thôi việc và được Ban giám đốc công ty ký duyệt, Công ty đã chốt sổ BHXH số 8023637698. Công ty xác định không ký hợp đồng lao động với người tên Huỳnh Thị Ngọc D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc D trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào khoảng năm 2019, bà D có mượn CMND của bà Nguyễn Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P địa chỉ tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Bà D làm việc tại Công ty TNHH P trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 3/2020 và có tham gia BHXH huyện C. Bà D được cấp

Số BHXH mã số 8023637698 trùng với số sổ Bảo hiểm của bà T và đều mang tên Nguyễn Thị T. Từ khi nghỉ việc cho đến nay bà D chưa được hưởng đầy đủ các chế độ BHXH trong thời gian làm việc từ tháng 04/2019 đến tháng 3/2020 tại Công ty TNHH P dưới tên là Nguyễn Thị T. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

Bà đồng ý việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà (tên trên hợp đồng lao động là Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH P từ tháng 4/2019 đến tháng 3/2020. Đồng thời bà D cũng yêu cầu được hưởng các chế độ BHXH theo quy định.

Do bận công việc nên bà D yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An do bà Trần Thị Hồng DI đại diện trình bày:

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Bảo hiểm xã hội huyện C, cung cấp thông tin quá trình đóng BHXH của bà Nguyễn Thị T như sau: qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN trên phần mềm quản lý đến ngày 16/6/2020 bà Nguyễn Thị T, mã số BHXH 8023637698 đã hưởng chế độ BHTN với thời gian đóng là 01 năm 04 tháng (từ tháng 12/2018 đến tháng 3/2020 tại Công ty TNHH D2). Bà T chưa hưởng BHXH một lần với thời gian đóng nêu trên. Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN, BHYT, thực hiện công văn 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động; căn cứ vào Bản án đã có hiệu lực của Tòa án, BHXH huyện C thực hiện theo nội dung thông báo của Tòa án.

Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Tháng 04/2019, chị Huỳnh Thị Ngọc D sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T để ký HĐLĐ với Công ty TNHH P, thời gian làm việc từ tháng 04/2019 đến tháng 03/2020. Việc này được chị Nguyễn Thị T thừa nhận. Như vậy có đủ cơ sở để xác định trong thời gian từ tháng 04/2019 đến tháng 03/2020 người trực tiếp ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty TNHH P là chị Huỳnh Thị Ngọc D, không phải chị Nguyễn Thị T. Việc chị D sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của chị T để giao kết hợp đồng lao động với công ty TNHH P là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 7 Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó việc Nguyễn Thị T yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị T (do chị Huỳnh Thị Ngọc D) giao kết với công ty TNHH P vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127 Bộ luật

Dân sự năm 2015. Bà Huỳnh Thị Ngọc D được quyền liên hệ cơ quan BHXH để được hoàn trả các chế độ theo quy định.

Từ những phân tích trên, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện: “Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động” với bị đơn Công ty TNHH P. Bị đơn có địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Bị đơn Công ty TNHH P đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc D và Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện Công ty TNHH P vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 190 Bộ luật lao động và Điều 184, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Huỳnh Thị Ngọc D (tên trên hợp đồng lao động là Nguyễn Thị T) là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH P. Tuy nhiên đương sự cung cấp không đầy đủ các hợp đồng lao động. Căn cứ lời trình bày của bị đơn Công ty TNHH P vào Bảo hiểm xã hội huyện C xác định quá trình đóng BHXH của bà Nguyễn Thị T thì thực tế có hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH P trong thời gian từ 4/2019 đến tháng 3/2020. Xét thấy, bà Nguyễn Thị T và bà Huỳnh Thị Ngọc D đều thừa nhận do chưa đủ tuổi giao kết hợp đồng lao động nên bà D đã mượn CMND mang tên Nguyễn Thị T để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng BHXH từ 4/2019 đến tháng 3/2020 tại Công ty TNHH P theo sổ BHXH số 8023637698. Trong thời gian cho mượn CMND bà Nguyễn Thị T cũng tham gia lao động tại Công ty TNHH MTV M, Công ty TNHH J, Công ty TNHH D2 và Công ty TNHH P và tham gia với số bảo hiểm 8023637698 từ tháng 12/2018 đến tháng 4/2023. Như vậy có căn cứ xác định trong cùng một khoảng thời gian thì người mang tên Nguyễn Thị T cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại các Công ty TNHH MTV M, Công ty TNHH J, Công ty TNHH D2 và Công ty TNHH P.

Do đối tượng trực tiếp lao động trong giai đoạn từ tháng 4/2019 đến tháng 3/2020 tại Công ty TNHH P là bà Huỳnh Thị Ngọc D không phải là bà Nguyễn

Thị T. Đây là hợp đồng giả tạo ngay từ khi xác lập quan hệ lao động, có cơ sở xác định hợp đồng giữa người lao động thực tế bà Huỳnh Thị Ngọc D với Công ty TNHH P là không có hiệu lực. Bà T yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà D (tên trên hợp đồng lao động là Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH P trong thời gian từ 4/2019 đến tháng 3/2020 là có căn cứ chấp nhận. Bà Nguyễn Thị T được hưởng các chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH MTV M, Công ty TNHH J, Công ty TNHH D2 và Công ty TNHH P.

[4.2]. Do bà Huỳnh Thị Ngọc D khi trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH P chưa đủ 15 tuổi nên việc bà D mượn hồ sơ của bà T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật lao động. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ nên bà D được quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được hoàn trả các chế độ theo quy định.

[5]. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007); Căn cứ Điều 13, Điều 15; Điều 18, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” với Công ty TNHH P.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Huỳnh Thị Ngọc D (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH P trong khoảng thời gian từ 4/2019 đến tháng 3/2020.

[2]. Bà Nguyễn Thị T được hưởng các chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH MTV M, Công ty TNHH J, Công ty TNHH D2 và Công ty TNHH P.

[3]. Bà Huỳnh Thị Ngọc D được quyền liên hệ cơ quan BHXH để được hoàn trả các chế độ theo quy định.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0010556 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[6]. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS Cần Đước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung